

SEPTEMBER 23rd 1988.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. NAME = NGUYỄN VĂN ẮT SEX. MAN.
2. OTHER NAME. NONE.
3. DATE PLACE OF BIRTH = MAY. 7th 1932/ LONG AN PROVINCE SOUTH VIETNAM.
4. RESIDENCE ADDRESS = 82nd THẦN THÁI BÌNH, XÃ LONG BÌNH, HUYỆN THUỘC. THANH PHỐ H.C.M.
5. MAILING ADDRESS = 82nd THẦN THÁI BÌNH, XÃ LONG BÌNH, HUYỆN THUỘC, THANH PHỐ. HỒ CHÍ MINH.

B. RELATIVE TO ACCOMPANY ME.

NAME.	DATE OF BIRTH.	PLACE OF BIRTH	SEX.	MARRIED OR SINGLE	RELATIONSHIP.
DƯƠNG THỊ KHUÊ.	1932	LONG AN PROVINCE	WOMAN	MARRIED	WIFE.
NGUYỄN THỊ HỒNG	16. 10. 1968	MỸ THO. PROVINCE	GIRL	SINGLE	DAUGHTER
NGUYỄN THỊ XUÂN	6. 6. 1954	SÀI GÒN CITY.	WOMAN	MARRIED	DAUGHTER
VIỆT MINH DUNG	1953	LONG AN PROVINCE	MAN	MARRIED	SON IN LAW.
VIỆT THỊ MINH TRANG	6. 5. 1983	Tiền GIANG PROVINCE	GIRL		MATERNAL GRANDCHILD
VIỆT THỊ XUÂN HẠNH	17. 12. 1984	Tiền GIANG PROVINCE	GIRL		MATERNAL GRANDCHILD.
NGUYỄN HỮU LỘC	19. 4. 1959	GIÁ ĐỊNH PROVINCE	MAN	MARRIED.	SON.
TRẦN THỊ CÀNH	1963	THUẬN HẢI PROVINCE	WOMAN	MARRIED.	DAUGHTER IN LAW.
NGUYỄN THỊ MỸ HIỀN	1983	THUẬN HẢI PROVINCE	GIRL		PATERNAL GRAND CHILD
NGUYỄN HUY HÙNG	1987	THUẬN HẢI PROVINCE	BOY		PATERNAL GRAND CHILD.
NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	28. 10. 1984	LONG AN PROVINCE	WOMAN	MARRIED	DAUGHTER
TRƯỜNG MINH TÂN	15. 10. 1958	SÔNG BÈ PROVINCE.	MAN	MARRIED.	SON IN LAW.
LÊ ĐÀO VĂN ANH	6. 6. 1984	HỒ CHÍ MINH CITY.	GIRL		MATERNAL GRANDCHILD
TRƯỜNG ĐÀO MINH THỦY	20. 6. 1988	HỒ CHÍ MINH CITY.	GIRL		MATERNAL GRANDCHILD.

C. RELATIVE OUTSIDE VIET NAM.

Closest relative in the U.S.A.

NAME. NGUYỄN THỊ HỒNG.
 RELATIONSHIP. NIECE.
 ADDRESS -
 DATE OF RELATIVE ARRIVAL IN THE US. APRIL 1982.

D. COMPLETE FAMILY LISTING.

1. FATHER. NGUYỄN VĂN MƯỜI DEAD.
2. MOTHER. NGUYỄN THỊ PHI DEAD.
3. SPOUSE. DƯƠNG THỊ KHUÊ LIVING. TIỀN GIANG PROVINCE
4. CHILDREN.

1. NGUYỄN THANH NGOC LIVING. TAMPHƯỚC, LONG THÀNH. ĐÔNG NAI PROVINCE.
2. NGUYỄN THỊ XUÂN LIVING. 160. LÝ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG 5. MỸ THO CITY.
3. NGUYỄN HỮU LỘC LIVING. TÂN LẬP, HẠM THUẬN, THUẬN HẢI. PROVINCE
4. NGUYỄN THỊ LÂN LIVING. TÂN LẬP, HẠM THUẬN, THUẬN HẢI. PROVINCE
5. NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO LIVING. 82nd THẦN THÁI BÌNH, XÃ LONG BÌNH, HUYỆN THUỘC. HỒ CHÍ MINH CITY.
6. NGUYỄN THỊ HỒNG LIVING. 160. LÝ THƯỜNG KIỆT PHƯỜNG 5. MỸ THO CITY.

5. SIBLINGS.

1. NGUYỄN VĂN MỘ LIVING. HỒ CHÍ MINH CITY.
2. NGUYỄN VĂN BẮN LIVING. LONG AN PROVINCE.
3. NGUYỄN VĂN ĐỀ LIVING. LONG AN PROVINCE.
4. NGUYỄN THỊ KIM LOAN LIVING. HỒ CHÍ MINH CITY.
5. NGUYỄN VĂN NHỨT LIVING. LONG AN PROVINCE.
6. NGUYỄN THỊ TAM LIVING. LONG AN PROVINCE.

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

F. SERVICE WITH GVN OR RYNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF PERSON SERVING. NGUYỄN VĂN ẮT.
2. DATE FROM. NOVEMBER 1st 1953 TO APRIL 30th 1975.
3. LAST RANK. CAPTAIN SERIAL NUMBER 53/115234.

4. MINISTRY OFFICE MILITARY UNIT. ĐOÀN 332 CHUYỂN VẬN

5. NAME OF SUPERVISOR C.O. - L^{THAM} GENERAL ĐỒNG VĂN KHUYẾN KBC 4002/TCTV

6. REASON FOR SEPARATION.

7. NAME OF AMERICAN ADVISOR. CAPTAIN MASSON.

8. U.S. TRAINING COURSES IN VIETNAM.

- KHÓA II SĨ QUAN TRƯỞNG BỊ THỦ ĐỨC.
- KHÓA SĨ QUAN CÁN BẢN QUÂN VẬN
- KHÓA TRUNG CẤP QUÂN VẬN
- KHÓA CAO CẤP QUÂN VẬN.

9. U.S. AWARDS OR CERTIFICATES NAME OF AWARD.

- BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG ĐẾ NGŨ
- THAM MƯA BỒI TÌNH
- KỸ THUẬT BỒI TÌNH
- (Hải) ANH DUNG BỒI TÌNH
- QUÂN VU BỒI TÌNH
- CHIẾN DỊCH BỒI TÌNH
- 6 BẰNG TƯỢNG LỰC

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR SPOUSE.

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1. NAME OF PERSON IN REEDUCATION. NGUYỄN VĂN ẤT

2. TIME IN REEDUCATION FROM. JUNE 1975 TO FEBRUARY 19th 1978

I. ANY ADDITIONAL REMARKS.

a). Quyết định ra trại kỷ 28/1/1977 sau y tại Bộ tư lệnh đơn 28/10/87. Trú tại 19.2. 1978.

b). Vợ là Dương Thị Khế và Hai con gái là Nguyễn Thị Xuân và Nguyễn Thị Hồng, cùng 4 người
Rể là Việt Minh Đảng cũng 2 cháu ngoại, Việt Thị Minh Trang, và Việt Thị Xuân Hạnh
ở 160 Lý Thường Kiệt Phường 5 Thành Phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang

c). Con trai là Nguyễn Hữu Lộc vợ Trần Thị Cảnh và Hai con Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Nguyễn
Hưng Hưng ở xã Tân Lập, Huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Thuận Hải.

d) Tiếp theo hồ sơ gửi THAILAND ngày 26/6/1988. Vì gia đình ở rừng Kinh tế, mới trở về nên mới
ngồi mới mới.

SEPTEMBER 23th 1988.

Nguyễn Văn Ất

NGUYỄN VĂN ẤT.

Số 705/380 Q11

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

- Thực hiện chính sách khuyến khích của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc chế độ cũ đang học tập ở các trại tập trung.
- Xét tính thân học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.
 - Xét đề nghị của đơn vị trực tiếp quản lý và hội đồng xét duyệt Quân khu thông qua.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho Nguyễn Văn Ất sinh 1932
 Cấp Đại úy số lính 57 115 332
 Chức Đoàn trưởng Đ. X. Văn Chuyền 332
 của chế độ cũ học tập tập trung tại hợp thứ 7590 L 97

Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi cư ngụ. 7/8 1978 Chào đón Đ. X. Văn Chuyền Chào đón

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành tốt mọi quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế 5 tháng. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị xác nhận là tiến bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Phòng quân huấn, Ban chỉ huy Trại quân huấn trực tiếp quản lý đối tượng và đương sự chiểu quyết định thi hành.

Sau 5 ngày 28/10/78 1978

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

Ngày 28 tháng 10 năm 1978

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 7

(đã ký)

Thư lệnh Đ. X. Văn Chuyền

Trưng Tái Nguyễn Văn Chuyền

GHY CHÚ: Giấy này không có giá trị di đường.

Trong thời gian quản chế việc qui định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần do chính quyền địa phương Xã, Phường qui định.

Xác nhận
sao y Bản Chính.
Long Bình ngày 11/8/78
Thống đốc Công an.



Trưởng Văn phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **02.1355063**

Họ tên **NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO**

Sinh ngày **1964**

Nguyên quán **Cần Đức,**

Long An.

Nơi thường trú **82H Long Bình,**
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm cách 0,5cm
dưới đuôi mắt phải.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày ... tháng ... năm 1979
T. C. CH. H. C. TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CS1



Thư Quyết

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ - XÃ MỸ - THO

Phường 11111

Số hiệu 4215

TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

Lập ngày 29 tháng 10 năm 1964

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN-THỊ-ANH-ĐÀO
Trai hay gái : NỮ
Ngày sanh : Hai mươi tám, tháng mười
năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn
Nơi sanh : Xã Diên-Hòa (Bảo sanh viện Định-Tường)
Tên họ cha : NGUYỄN-VĂN-ẤT
Tên họ mẹ : DƯƠNG-THỊ-KHUE
Vợ chánh hay không
có hôn thú : Vợ chánh
Tên họ người khai : HỒ-thị-Hòa

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Mỹ-Tho ngày 30 tháng 11 năm 1974

~~VIỆN CÔNG ĐOẠT~~
TRƯỞNG-TY HÀNH-CHÁNH,



[Signature]
BÙI-NHƯ-SƠN
Ecc-Sự Hành-Chánh



Đỗ Quỳnh Thị Anh Đào
28-10-1964



Trần Văn Tuấn
13-10-1958



Con Tuấn Văn Anh
6-6-1984



Con Tuấn Văn Tuấn
2-6-1988

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270126328

Họ tên TRƯƠNG MINH TẤN

Sinh ngày 13-10-1958.

Nguyên quán Tân ninh

Thuận an, Sông bé.

Nơi thường trú K4/311 Bưởi

Hòa, Biên hòa, Đồng nai.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chấm C.2cm dưới
sau đuôi lông mày trái

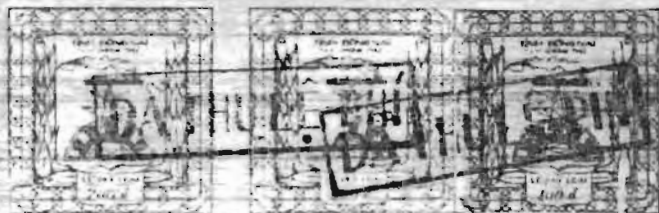
NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 2 tháng 08 năm 1978.

KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG TY

Le Xuan

Trần Văn Bền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố
Bầu hòa

Quận, Huyện
Biển hòa

Xã, Phường
Đông nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số I/Tp
Số 157

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO

Sinh ngày 10/10/1954

Quê quán Cầu Đuốc, Long An

Nơi đăng ký thường trú 82/4 ấp Thái bình

Xã Long Bình, Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Thợ uốn tóc

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 021355963

Họ và tên người chồng TRƯƠNG MINH TÂN

Sinh ngày 13/10/1958

Quê quán Thuận An, Sông Bé

Nơi đăng ký thường trú K/126 Tân Bình

Đầu hòa, Biển hòa, Đông nai

Nghề nghiệp Thợ uốn tóc

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 270126328

Kết hôn ngày 10 tháng 04 năm 1977

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO

TRƯƠNG MINH TÂN



Trưởng ban
Trương Minh Tân

Tên anh Phố Hồ Chí Minh
Huyện Thủ Đức
Xã Long Bình

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc.

Xếp - Gởi.

Ủy Ban Nhân Dân xã Long Bình.

Tích yếu = Đơn xin xác nhận nuôi con cho đến khôn lớn

Tôi tên Nguyễn Thị Anh Đào sinh năm 1964 thường
trú tại 82th thôn Thái Bình, xã Long Bình, Huyện Thủ Đức, Thành Phố
Hồ Chí Minh.

Trước đây tôi ăn ở không thuận tiện với anh
Lâm Hữu Tâm, thường trú tại 26/3 ấp Vĩnh Thuận, xã Long Bình.
Thường xảy ra những sự bất hòa và cãi vã nhau. Đến ngày 21-12-
1985, đi đến quyết định dứt khoát không ăn ở với nhau nữa,
và hai bên được thành lập gia đình để tiếp tục cuộc sống.

Kể từ chung sống với nhau chúng tôi có đứa con tên
Lâm Đào Vân Anh sinh năm 1984. Về phần nuôi dưỡng cho
đến khôn lớn thuộc về mẹ, và anh Tâm không được bắt lỗi.

Vậy nay tôi làm đơn này kính mong quý ủy ban
chúng nhận và việc trách nhiệm nuôi con của tôi, và sự
dứt khoát với anh Tâm.

Ngài xin

AĐ

Nguyễn Thị Anh Đào

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Long Bình
Thị xã Quận Thủ Đức
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 119
Quyển số 03

Họ và tên :	<u>Lưu Đào Văn Bình</u>	Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>ngày sáu, tháng sáu năm mao ngthia</u> <u>chinh năm tám mươi, từ (06 06 80)</u>	
Nơi sinh	<u>89H Thái Bình xã Long Bình</u> <u>quận Thủ Đức, thành phố HCM</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lưu Hữu Tấn</u> <u>05 08 1955</u>	<u>Nguyễn Thị Anh Đào</u> <u>1964</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm Rẫy</u>	<u>Thợ Vác Tơ</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>26/1 Vĩnh Thuận</u> <u>xã Long Bình</u>	<u>Thái Bình xã</u> <u>Long Bình</u>
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Anh Đào</u> <u>20 tuổi</u> <u>89H ấp Thái Bình xã Long Bình</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Long Bình Ngày 22 tháng 6 năm 1984
TM. UBND K ký tên đóng dấu



Đoàn Việt Tâm

Đang ký ngày 22 tháng 06 năm 1984

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó Chủ tịch

(Thủ Ký K đóng dấu)

ĐOÀN VIỆT TÂM

Xã, thị trấn Long Bình
Thị trấn Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 748
Quyển số 03

--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Trưởng Đào Minh Thủy</u>		Ngày, No
Sinh ngày	<u>Hai, tháng Sáu, Năm một ngàn</u>		
tháng năm	<u>chín trăm tám mươi tám</u>		<u>"2.06.88"</u>
Nơi sinh	<u>Gram 4, 7, Long Bình</u>		
Religion	CHA		
Họ, tên tuổi (hoặc	<u>Trưởng Minh Tân</u>	<u>Ông Thị anh Đào</u>	
ngày, tháng năm sinh)	<u>1954</u>	<u>1964</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Hội Tộc</u>	<u>Ước Tộc</u>	
Nơi BKNN thường trú	<u>K412C Bùn Hoa BA</u>	<u>82H Thái Bình, LB</u>	
	<u>ĐN</u>	<u>Thủ Đức</u>	
Họ, tên nơi BKNN	<u>Ông Thị anh Đào</u>		
thường trú có giấy chứng	<u>Sinh 1964</u>		
nhận của CNCC của	<u>Trưởng tư 82H Thái Bình, Long Bình</u>		
người đăng khai	<u>Thủ Đức</u>		

NGHÂN THƯ SÀO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 07 năm 1988

TH. C. (Chức vụ) Chức vụ Chức vụ

Đã ký, ngày 15 tháng 07 năm 1988

Chữ tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ

MM
(Chữ ký)

Trưởng tư Trưởng

Hình thừa Bà.

Gia đình chúng tôi không có một ai ở Mỹ cả,
chỉ có địa chủ họ địa chủ theo dân, nhưng địa chủ không có
khả năng có thể giúp cho gia đình chúng tôi được.

Do sự giới thiệu của một đồ người đã được
Bà giúp đỡ, nên gia đình chúng tôi hình mong Bà
vui lòng giúp cho chúng tôi,

và theo đây là Hồ sơ xin ra đi theo đường
Tình ODP mà chúng tôi trình trong kinh chuyển đến
Bà,

Hình mong Bà vui lòng giúp đỡ cho chúng
tôi được tại nguyện.

Thay mặt toàn thể gia đình hình tạ ơn
Bà trước.

Hình thơ.

Nguyễn Văn Ất

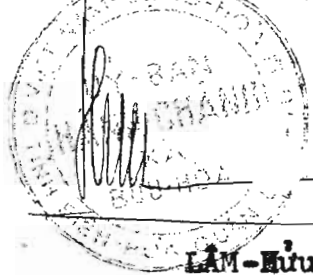
Nguyễn Văn Ất.

KHAI SANH

TRÍCH-Y:

Theo bộ Sanh Năm 1958
BƯU HÒA, Ngày 04-06-1969.

CHỦ TỊCH Kiêm Hộ tịch



LÂM-HỮU-GIA

Tên, họ đầu nhi :	TRƯƠNG-Minh-Tấn
Phái :	Nam
Sanh :	Ngày mười ba , tháng mười Năm một ngàn chín
Ngày, tháng, năm)	Trăm Năm mươi Tám,
Tại :	Nhà Sanh Hiền Đức. BƯU HÒA
Cha :	Trương-Văn- Cương
(Họ, tên)	Ba mươi Sáu tuổi
Tuổi :	
Nghề - nghiệp :	Thợ hót Tóc
Cư - trú tại :	BƯU HÒA
Mẹ :	Nguyễn-Thị-Huê
(Họ, tên)	Ba mươi hai tuổi
Tuổi :	
Nghề - nghiệp :	Nội Trợ
Cư - trú tại :	BƯU HÒA
Vợ :	/ / /
Người khai :	Nguyễn-thị-Nghĩa
(Họ, tên)	Hai mươi Lăm tuổi
Tuổi :	
Nghề - nghiệp :	Cô đỡ
Cư - trú tại :	BƯU HÒA
Ngày khai :	Ngày mười chín, tháng mười một, Năm 1958.
Người chứng thứ nhất :	NGÔ-Văn-Tế
(Họ, tên)	Ba mươi bốn tuổi
Tuổi :	
Nghề - nghiệp :	Dân Vệ
Cư - trú tại :	BƯU HÒA
Người chứng thứ nhì :	ĐINH-Văn-BÀNH
(Họ, tên)	Hai mươi bảy tuổi
Tuổi :	
Nghề - nghiệp :	Làm vườn
Cư - trú tại :	BƯU HÒA

NHẬN-THỰC CHỮ-KÝ
CHỖ KHAI BƯU-HÒA

Lập tại Xã BƯU HÒA , ngày 19-tháng- II 1965

Người khai,

U.V. Hộ-tịch

Hai người chứng.

Ký tên:

Ký tên:

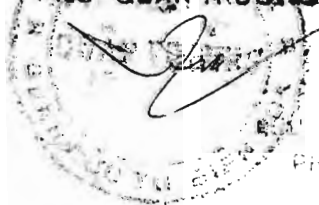
Ký tên:

Nguyễn-thị-Nghĩa

LÂM-HỮU-GIA

Ngô-Văn- Tế

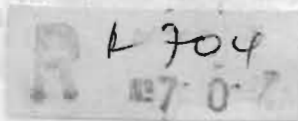
ĐINH-Văn-BÀNH

CHỖ QUẢN-TRƯỞNG
PHÓ QUẢN-TRƯỞNGCHỖ QUẢN-TRƯỞNG
PHÓ QUẢN-TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Tung
300 Vĩnh Viễn Q10
TP Hồ Chí Minh
Việt Nam



~~KHÔNG CHẤP NHẬN~~
=



OCT 25 1988

Bà Khúc Minh Chơ
P.O. BOX. 5435

Arlington Virginia 22205

(22205-0635)



U.S.A

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-QUỐC

Số 05763268

NGUYỄN-THỊ-XUÂN



06-06-1954

Saigon

Nguyễn-Văn-Ất

Dương-Thị-Khue

146/14 Trần-Hi-Quân Mỹ Tho

Định-Tướng:

Sao ở hình tại 1/2
trái vành mô dưới.

Chỉ ký dưới:

Định-Tướng 10-5-1970

Phó Trưởng Ty CSQQ, 7

Thanh

TRƯỞNG ĐỊNH THẮNG

Cm

5

M3

43

M2

Nhân

trợ

Nhân

trợ

Nhân

trợ

Nhân

trợ



Trần Văn Ất
sinh 7-5-1932



Đường Thị KHOE
1932



Nguyễn Thị Hồng
16-10-1968



Đỗ Quỳnh Chi Xuân
6-6-1984



Việt Minh Dũng
1953



Việt Chi Minh Trang
6-5-1983



Việt Thi Xuân Hạnh
17-12-1984



Nguyễn Văn Lộc
19 - H - 1959



Trần Thị Cẩm
1963



Nguyễn Thị Mỹ
Hiền 1963



Nguyễn Hưng
Hưng 1967

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

CHẼ CẦN-CƯỚC

Số

11155197

Họ Tên

NGUYỄN HỮU LỘC



Ngày, nơi sinh

19-1-1959

Tăng-Thọ-Thủ, Gia-Dinh

Cha

Nguyễn-văn-Ất

Mẹ

Mộng-thị-Khue

133

Địa chỉ

Tiền-Hoàng-Quân, P-4, AT

Dấu vết niềng:
Sẹo tròn thân dưới
sống mũi,

Cao: 1 m 50

Nặng: 40 Kg

Chữ ký đương sự:

Định-Tiến ngày 11-04 19 74

TUN. Chi-Huy Trương CSQG,
Chi-Huy Phó,

TRƯƠNG ĐÌNH THÀNH

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SÀI-GON.
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH TĂNG NHƠN PHÚ, GIADINH.
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 147
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN HỮU LỘC
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	19.4.1959
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tăng-Nhơn-Phủ
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Ât
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân-Nhân
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Viện bài-lao Ng 6-Quyển
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Đương-thị-Khuê
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tăng-Nhơn-Phủ
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh, Cửa/IO
(Pour extrait conforme)

lưu lưu lưu

Sài-gon ngày 16/1/1975

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Tân-thị-Ân

Giá tiền: 1500
(Coût)
Biên-lai số: 562
(Quittance No)



Hôn
Hạ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 02

Số 49/KH

Nam

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Sắp

Họ và tên người vợ Trần Thị Cảnh

Sinh ngày 1963

Quê quán Hàm Hiệp, Hàm Thuận

Nơi đăng ký thường trú Đ. I H T X 4

Tân Lập, Hàm Thuận Nam

Nghề nghiệp Làm Nông

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu

Họ và tên người chồng Nguyễn Hữu Lộc

Sinh ngày 19. 04. 1959

Quê quán Mỹ Lễ, Cần Đức, Long An

Nơi đăng ký thường trú Đ. I H T X 4

Tân Lập, Hàm Thuận Nam

Nghề nghiệp Làm Nông

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 260.154.687

Kết hôn ngày 05 tháng 08 năm 1988

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TM/UBND

Trần Cảnh

Cảnh

Lộc

Nguyễn Văn Cảnh

TỈNH THUẬN HẢI



LỆ PHÉ CHUNG THƯ 50°

DÂN

lập

lập

Thuận Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu BT2/P3

Đã
Đã 3010

GIẤY KHAI SINH

Số 164

Quyển số 02/18

Họ và tên	<u>TRẦN SƠN CẢNH</u>		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>1965</u> (Năm một chín sáu mươi lăm)		
Nơi sinh	<u>Tôn Xuân - thôn Tân</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>TRẦN VĂN SÁ</u> <u>1917</u>	<u>NGUYỄN - LÊ CỎ</u> <u>1920</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Nông</u>	
Nơi ĐKNK thường trú.	<u>TRẦN VĂN SÁ - Đ. 1 - HTX 4</u> <u>Tân Lập</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C. N. C. C của người đứng khai.			

Đăng ký ngày 06 tháng 09 năm 1978

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ tên họ)



TỈNH THUẬN HẢI



HÂN DÂN

Tôn lập

Tôn trọng

Thôn Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu BT2/P2

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 659

Quyển số 02/1K

Họ và tên	Nguyễn Thụy Hùng		Nam, Nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	30.11.1987 (ngày ba mươi tháng 11 năm một chín tám bảy)			
Nơi sinh	Tân Lập, Huyện Thuận Nam			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Thụy Lộc 1959	Trần Thị Công 1963		
Dân tộc	Kinh	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Nông	Nông		
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C. N. C. C của người đứng khai	260.154.857			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày tháng năm

Ngày 01 tháng 01 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ tên họ)

THỦ BND XÃ T. (Ký tên và đóng dấu)

N. B. D. U. S.

TỈNH THUAN HẢI



DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

GIẤY KHAI SINH

Số: 52/84

Quyển số: 02

Họ và tên	Nguyễn Thị Mỹ-thiên		Nam, Nữ: nữ
Sinh ngày tháng năm	26-07-1985 (ngày Hai Sáu tháng bảy năm một chín tám lăm)		
Nơi sinh	Tân lập thôn 1 nam		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Thái hộc 1959	Trần Thái cảm 1963	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam	
Nghề nghiệp	Nông	Nông	
Nơi ĐKNK thường trú.	Nguyễn Thái hộc 1 Ba 1959 HXH 4 Tân lập		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C. N. C. C của người đứng khai.			

Đã ký ngày — tháng — năm —

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ tên họ)



Nguyễn Văn Kiệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 010724000

Họ tên NGUYỄN THỊ HỒNG

Sinh ngày 16/10/1969

Nguyên quán Mỹ Lộc, KT. HÀ

Cm. Đuống, Long An, PHÚ

Nơi thường trú 101/4/85 Tết

Mộ Thân, P.4, M.P. Tiên Giã

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: không

DẤU VẾT BIỆNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm 0.3cm trên
sau mấp phải.

Ngày 01 năm 1980

CHỖ CHẤM DẤU CÔNG TY CÔNG AN

Phạm Văn Hùng



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

Họ và Tên	Nguyễn Thị Hồng		Nam, Nữ
Sinh ngày tháng năm	16/10/69 Mười sáu tháng mười năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín		
Nơi sinh	Xã Diêu Hoa Đình Tường		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Kỹ Văn An 1932	Dương Thị Khỏe 1932	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	(Tư tại gia)	(Nội trợ)	
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

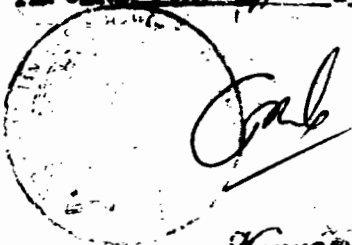
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 9 năm 1988

TM. UBND xã Diêu Hoa ký tên đóng dấu

Đăng ký, ngày 06 tháng 9 năm 1988

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Nguyễn Văn Công

NAM-VIET

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THÀNH-SÀI-GON-CHOLON

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

Thành-Phố CHOLON

QUẬN TỨ

Số-hiệu 5.651

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM một ngàn chín trăm năm mươi bốn (1954)

Imn. Jph Ng van-Viet, Saigon 10/7/56 DT-CL

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thị Xuân
Phái	con gái
Sanh ngày nào	ngày sáu tháng sáu năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn, hồi 9 giờ
Tại	274, đường Dellefosse
Tên, họ người cha	Nguyễn văn Ất
Tuổi	_____
Nghề	Điền nông
Tư tại	đường Kinh-Dô1
Tên, họ người mẹ	Đường thị Khuê
Tuổi	_____
Nghề	không nghề nghiệp
Tư tại	đường Kinh-Dô1
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Cholon, ngày 20 tháng 9 năm 1956

T. U. N. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON-CHOLON

Trưởng-Quân, Quận TỨ

(Signature)

KHAI SANH

Số. Ty
Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

15
GIẤY BIÊN NHẬN

Số 10065326

Họ tên Liệt Minh Dũng

Tên thường gọi 1953

Nơi thường trú Đoàn 15

Loại giấy biên nhận hoặc dị hình Số 10065326

Là làm thủ tục xin cấp giấy biên nhận như sau

Hết đến ngày 15 tháng 10 năm 1953 CMND

ĐƠN KẾT TẠO

15 tháng 10 năm 1953
(Chữ ký)
(Chữ ký)

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Long-An

QUẬN Hình-Thước

XÃ Bình-Lập

MIỀN THỊ-THỰC

Do Văn-Thư số 4.365-BNV/HG/20

Ngày 3-3-1970 của Bộ-Nội-Vụ

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1953

Số liệu 685

Tên, họ đưa trở: VIỆT-KINH-CỔNG
Trái
Nam hay Nữ: Trái
Sinh ngày tháng năm: Le 7 Juillet 1953
Tại: Bình-Lập
Tên họ cha: VIỆT-KINH-CỔNG
Tuổi: ---
Nghề nghiệp: Y-TS
Cư trú tại: Bình-Lập
Tên, họ Mẹ: Võ-thị-thung
Tuổi: -----
Nghề nghiệp: Nội trợ
Cư trú tại: Bình-Lập
Vợ chánh hay thứ: Vợ chánh

Chứng chủ ký tên của UVHT
ngang đây

Bình-Lập ngày 6 / 6 / 1972

Phó Xã-Trưởng H.C

Trích y bản chánh

Bình-Lập ngày 6 tháng 6 năm 1972

VIÊN-CHỨC-HỘ-TỊCH

Lê-Văn-Cây

Xã, Thị trấn: Hướng 5

Thị xã, Quận: Mỹ Tho

Thành phố, Tỉnh: TIỀN GIANG

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 71

Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>VIỆT MINH DƯỠNG</u>	<u>NGUYỄN THỊ KHUÂN</u>
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	<u>07.07.1953</u>	<u>06.06.1954</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>VN</u>	<u>Kinh</u> <u>VN</u>
Nghề nghiệp	<u>Chăm vườn</u>	<u>Nội trợ</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>160 Đường Lý Thường Kiệt</u> <u>Hướng 5 Thành Phố Mỹ Tho</u> <u>TIỀN GIANG</u>	<u>160 Đường Lý Thường Kiệt</u> <u>Hướng 5 Thành Phố Mỹ Tho</u> <u>TIỀN GIANG</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>310063326</u>	

Đăng ký, ngày 22 tháng 08 năm 1988

Người chồng ký

Người vợ ký

TM / UBND Hướng 5 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

CT. ĐÃ KÝ
BUI MINH GIAM

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Nơi: 160 Đường Lý Thường Kiệt năm 1988

TM / UBND Hướng 5 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Nguyễn Ngọc Thành

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ: HTSP/3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

CÔNG AN - TỈNH GIANG
A ĐÀ SỐ KÝ 118
Quyển số 02

Họ và Tên

VIỆT THỊ MINH TRANG

Nam, nữ Nữ

Sinh ngày

tháng, năm

06 - 05 - 1983

Nơi sinh

Bệnh viện Đa Khoa Tiền Giang (Thôn An)

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc

VIỆT MINH DŨNG

NGUYỄN THỊ XUÂN

ngày, tháng, năm sinh)

1953

06 - 06 - 1954

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Chăn nuôi cá

Nồi tro

Nơi ĐKNK thường trú

160 Lý Thường Kiệt F5

160 Lý Thường Kiệt F5

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khaiVIỆT MINH DŨNG 160 Lý Thường Kiệt F5
31006332 cấp tại Tiền Giang
ngày 12/08/1978

NHẬN THUẬN BÀN CHÁNH

Ngày 04 tháng 08 năm 1987

TM/UBND... tên đóng dấu

Đã ký ngày 04 tháng 08 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM. UBND/B

Chỉ tịch

Trà Thị và đồng dân

Bà Minh Giám

Giám Minh Giám

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ HTSP/3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn

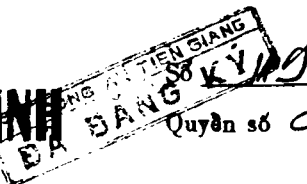
Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

★

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH



Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	VIỆT THỊ XUÂN HANH		Nam, nữ
Sinh ngày			
tháng, năm	17- 12- 1984		
Nơi sinh	bệnh viện đa khoa Tiền Giang (Đh Khoa Sáo)		
Khai về cha mẹ			
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHA	MẸ	
	VIỆT MINH DŨNG	NGUYỄN THỊ XUÂN	
	1953	1954	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Chăn nuôi cá	Nồi tro	
Nơi ĐKNK thường trú	160 Lý Thường Kiệt F5	160 Lý Thường Kiệt F5	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	VIỆT MINH DŨNG 160 Lý Thường Kiệt F5 31006332 cấp tại Tiền Giang ngày 12/01/1978		

NHẬN TRƯỞNG AN CHÁNH

Ngày 12 tháng 1 năm 1987

TM/UBND

Chức vụ đóng dấu



Bùi Minh Giám

Đăng ký ngày 04 tháng 08 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM. UBND /g

chức vụ

Đã ký và đóng dấu

Bùi Minh Giám

VIỆT NAM CỘNG HÒA
THE CÁN-CƯỚC

05875754

Họ Tên NGUYỄN-VĂN-ẤT



Ngày sinh 7-5-1932

J-Lê-Chợ-Lớn

Cha Mướn

M Nguyễn-Trí-Phí

Địa chỉ 120B Đg Thủ-K-Nghĩa, PD

Dầu vân lòng:

Chạm seo cách 4 đuôi
mày trái.

Cao: 1 m

62 X

Nặng:

63

Chữ ký đương sự:

Cần-Thơ ngày 30-7-1970

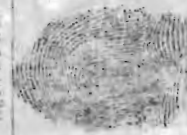
PHÓ-TY CSQG

TRẦN-DÌNH-TÂM

Nghón trỏ mặt



Nghón trỏ trái



VIỆT NAM CỘNG HÒA
THE CỘNG QUỐC

Số 05056142

DƯƠNG-THỊ-KHUÊ



1932

Mỹ-Lộ, Long-An

Dương-Văn-Lục

Trần-Thị-Ký

146/14 Trần-H-Quân, Mỹtho

No. 100000

Đến 1 m 15

Tên nhân viên: Nguyễn Văn

Đến 37

Đến 100000

Ngày tháng năm: 10-1-70

Phó Trưởng Ty 1000,

Handwritten signature

TRƯỞNG ĐỘI THƯỜNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

QUẬN: **LON G-AN**
CẦN-D ƯỚC
XÃ: **MỸ-LỘ**
Số hiệu: **22**

Họ: *Đoàn- Khán*
TRÍCH-LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

MIỄN LỆ PHÍ

Độc- nhất

Tên, họ người chồng

NGUYỄN VĂN ẤT

nghề-nghiep

Làm ruộng

sinh ngày

tháng

năm

1932

tại

MỸ-LỘ

cư-sở tại

MỸ-LỘ

tạm-trú tại

Tên, họ cha chồng

(Sống chết phải ghi rõ)

Nguyễn văn Mười (sống)

Tên, họ mẹ chồng

(Sống chết phải ghi rõ)

Nguyễn thị Phi (sống)

Tên, họ người vợ

Dương thị Khuê

nghề-nghiep

Buôn-Bán

sinh ngày

tháng

năm

1932

tại

MỸ-LỘ

cư-sở tại

MỸ-LỘ

tạm-trú tại

Tên, họ cha vợ

(Sống chết phải ghi rõ)

Dương văn Lựu (chết)

Tên, họ mẹ vợ

(Sống chết phải ghi rõ)

Trần thị Kỳ (sống)

— Ngày cưới

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

Độc nhất

ngày

tháng

năm

17

8

1953

tại

MỸ-LỘ

Trích y theo bộ những thư hôn thú
năm 1953 còn lưu tại xã tôi.

TRÍCH Y BUN CHANH :

, ngày tháng năm 19

MỸ-LỘ

Viên-chức Hộ-tịch, 5

62

Đại-Diện Xã



Đài Văn Nhì

Đài Văn Thêm

CONTROL

____ Card
____ ~~f~~ Doc. Request; Form 4/28/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter